

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

V/v ly hôn

Mã vụ việc: 031172566

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân

Bà Vũ Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo -Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1975, đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cá, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Ninh Mạnh B, sinh năm 1973, nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022 và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ninh Mạnh B đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 1994, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn hai bên về chung sống tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Trong quá trình chung sống chị và anh B hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó anh B thường xuyên ghen tuông vô cớ, có nhiều hành động, lời nói xúc phạm chị. Chị bỏ về quê ngoại và hai anh, chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2008 đến nay. Nhận thấy tình cảm đã không còn và mâu thuẫn giữa vợ chồng đã vô cùng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Ninh Thị L, sinh ngày 14/3/1995 và Ninh Mạnh T, sinh ngày 05/10/2000, hiện nay các con chung của anh, chị đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2022 bị đơn anh Ninh Mạnh B thể hiện quan điểm như sau: Anh và chị Lương Thị T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm gây gổ làm cho gia đình luôn căng thẳng. Năm 2008 chị T bỏ nhà đi nên hai bên sống ly thân từ thời điểm đó đến nay, không còn qua lại trao đổi gì và cũng không còn tình cảm với nhau. Quan điểm của anh B là đồng ý ly hôn và không muốn hòa giải với chị T. Về con chung và tài sản chung: Lời khai của anh B cũng thống nhất với lời khai của chị T và không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung, cũng như tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương và gia đình của đương sự, qua các thông tin của chính quyền địa phương, nơi cư trú và gia đình của anh B cũng thể hiện toàn bộ nội dung mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung đúng như nội dung các đương sự đã trình bày.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị T, chị T được ly hôn với anh Ninh Mạnh B;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh B có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trong gia đình từ năm 2001, đến năm 2008 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh, chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau, hai bên không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Ninh Thị L, sinh năm 1995 và Ninh Mạnh T sinh năm 2000. Hiện nay con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T, chị T được ly hôn với anh Ninh Mạnh B.

2. Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ đi 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0005382 ngày 13 tháng 12 năm 2022. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã T Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (Đăng ký kết hôn ngày 25/01/1994);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh

